

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 04/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Trương Thị Quỳnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại hội trường xét xử Hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày: 14/8/2001 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông: Không xác định; Con bà: Bùi Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: 0.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2019 đến nay tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Trần Thanh M – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Anh Trương Văn Đ, sinh năm 2003; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trương Văn Đảm:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968, nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Quốc Kh, sinh năm: 1988; nghề nghiệp: Sửa chữa điện thoại; trú tại: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Chị Phan Thị H, sinh năm 1986; nghề nghiệp: Kinh doanh; trú tại: Tổ 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Anh Lê Công T, sinh năm: 1998; nghề nghiệp: Đầu bếp; trú tại: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 10/11/2019, Trần Văn T đi bộ từ cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh đến phòng trọ của nhân viên nhà hàng L ở số 03, ngõ 29 đường N thuộc phường N, thành phố H. Đến khoảng 05 giờ 15 phút cùng ngày, T đi bộ lên phòng cuối của hành lang tầng 2, thấy đèn trong phòng sáng, cửa phòng mở nên T đi vào phòng thấy anh Trương Văn Đ (sinh năm 2003, trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) đang nằm ngủ, phía cuối chân giường có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu xanh của anh Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu tím của anh Nguyễn Quốc B (sinh năm 1996, trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) để trên gối nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T lấy trộm 02 chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần bên trái rồi đi bộ ra điểm xe buýt trên đường N, thành phố H đón xe về xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Đến trưa ngày 10/11/2019, T mang chiếc điện thoại Oppo F9 màu xanh đến cửa hàng điện thoại C ở Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh bán cho anh Trần Quốc Kh (sinh năm 1988, trú tại Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An) được 1.500.000 đồng. Chiếc điện thoại này sau đó anh Kh đã bán cho một người không quen biết với số tiền 1.500.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ ngày 14/11/2019, Th mang chiếc điện thoại Oppo F9 màu tím đến cửa hàng cầm đồ T của chị Phan Thị H (sinh năm 1986, trú tại phường T, thành phố H) cầm cố được số tiền 1.500.000 đồng. Quá trình bán, cầm cố 02 chiếc điện thoại trên Th đều nói là điện thoại của Th. Số tiền có được Th tiêu xài cá nhân hết. Ngày 16/12/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố H triệu tập Trần Văn T đến làm việc và T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 23/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu tím, trị giá: 3.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu xanh, trị giá: 3.500.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ tại chị Phan Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu tím và trả lại cho bị hại anh Nguyễn Quốc B. Còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu xanh của anh Trương Văn Đ không thu hồi được.

Về dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị hại anh Nguyễn Quốc B không yêu cầu gì thêm. Anh Trương Văn Đ yêu cầu bị cáo Trần Văn Th bồi thường số tiền 3.500.000 đồng giá trị chiếc điện thoại bị mất. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị H đã được bị cáo Trần Văn T bồi thường số tiền 1.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKSTPHT ngày 03/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh giữ nguyên quan điểm như nội dung cáo trạng truy tố; trong phần luận tội và tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng án treo vì: Bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; gia đình bị cáo được hưởng chính sách hộ cận nghèo; mẹ tàn tật.

Bị cáo Trần Văn T không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận lỗi, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là sai trái, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Xét lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các vật chứng vụ án được thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định được: Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 10/11/2019, tại phòng trọ của nhân viên nhà hàng L ở số 03, ngõ 29, đường N thuộc phường N, thành phố H, Trần Văn T trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu tím trị giá 3.500.000 đồng của anh Nguyễn Quốc B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu xanh trị giá 3.500.000 đồng của anh Trương Văn Đ.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “*Thành khẩn khai báo*”; *phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*; *gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo*; các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, nên cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với anh Trần Quốc K là người mua chiếc điện thoại Oppo F9 màu xanh, chị Phan Thị H là người cho bị cáo cầm cố chiếc điện thoại Oppo F9 màu tím do Trần Văn T trộm cắp mà có. Quá trình bán, cầm cố 02 chiếc điện thoại này cả anh K và chị H đều không biết đây là tài sản do Trần Văn T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[6] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

[7] Xét ý kiến của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, việc đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo được hưởng án treo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Quốc B đã nhận lại tài sản; chị Phan Thị H đã được bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Tòa miễn xét.

Anh Trương Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc điện thoại bị mất trị giá 3.500.000 đồng. Xét yêu cầu của anh Đ là có căn cứ, đúng thực tế nên cần buộc bị cáo phải bồi thường.

[9] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho bị hại Nguyễn Quốc B là phù hợp.

[10] Về án phí:

Bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Trần Văn T** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt **Trần Văn T 06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự các điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho anh Trương Văn Đ 3.500.000 đồng. Đối với khoản tiền bồi thường này khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà Trần Văn T không thi hành, thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

“...Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho Trần Văn T.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPHT ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an TPHT;
- T.H.A.P.T;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Người bào chữa;
- Sở TP Hà Tĩnh;
- Lưu: HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Đỉnh Trương Thị Quỳnh Vân Bùi Minh Thư

